

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 165/2024/HS-ST

Ngày: 21/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Niên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông Nguyễn Xuân Giao

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký viên
chính

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Lê Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 154/2024/TLST – HS ngày 07 tháng 11
năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST – HS ngày
07/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn L, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/10/1983,
tại huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Tổ 16, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp:
Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;
Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh D (đã chết) và bà Bùi Thị D; Gia đình bị
cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm.

Tiền án: Ngày 23/10/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 24 tháng
tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 171/2012/HSST. (Chưa
được xóa án tích do chưa thi hành phần án phí HSST).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 13/8/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại
Nhà tạm giữ - Công an thành phố H, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Đồng Đức K, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1982 tại Hòa
Bình;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp:
Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;
Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; Gia
đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án: Ngày 21/11/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 126/2023/HSST. Chấp hành xong hình phạt là ngày 29/4/2024 (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

* Nhân thân: - Ngày 27/3/2012 bị Công an phường Đ, thành phố H xử phạt 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 06/QĐ-XPĐG;

- Ngày 08/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố H tuyên miễn trách nhiệm hành hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 95/2016/HSST;

- Ngày 29/5/2017 bị Công an phường Đ, thành phố H xử phạt 500.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 14/QĐ-XPHC;

- Ngày 14/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 79/2020/HSST;

- Ngày 14/10/2022 bị Công an phường K, thành phố H xử phạt 2.000.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 11/QĐ-XPHC;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 13/8/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hòa Bình, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1962. Địa chỉ: xóm Đ, xã T, TP H, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

2. Anh Lê Anh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, phường H, TP H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn L và Đồng Đức K là bạn bè quen biết nhau từ trước và cùng là đối tượng nghiện chất ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 13/8/2024, L gọi điện rủ K đi uống nước ở khu vực cầu Hòa Bình 1. Tại đây L rủ K đi mua ma túy để cùng sử dụng; K đồng ý, L đưa cho K số tiền 400.000đ để mua ma túy, K cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28F4- 0689 ra khu vực bến xe trung tâm thành phố H để tìm mua ma túy, đến nơi K gặp một người đàn ông không quen biết, qua trao đổi K mua được của người này 01 gói ma túy với giá 400.000đ. Sau khi mua được ma túy K cầm trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực Nhà máy mía đường Hòa Bình, thuộc phường H, thành phố H để gặp L, L cũng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28H1- 688.75 đến để gặp K, khi cả hai đi đến khu vực đường dân sinh thuộc tổ 17, phường T, thành phố H thì bị tổ công tác Công an phường T, thành phố H làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, quá trình bắt giữ K thả gói ma túy đang cầm trong lòng bàn tay trái xuống đất, nhưng Cơ quan Công an đã kịp thời phát hiện thu giữ tang vật, với hành vi trên tổ công tác đã dẫn giải Đồng Đức K và Bùi Văn L về trụ sở để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định.

Bản kết luận giám định số: 413/KL-KTHS ngày 13/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: “Chất bột dạng cục màu trắng, hồng trong phong bì niêm phong một mặt có ghi “Thuộc vụ án: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối tượng Đồng Đức K, sinh năm 1982. HKTT tổ 02, phường K, thành phố H; Bùi Văn L, sinh năm 1983, HKTT tổ 16, phường H, thành phố H. Xảy ra ngày 13/8/2024 tại tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình”, gửi giám định có khối lượng 0,14g (Không phải mười bốn gam), là ma túy, loại Heroine (Heroin) và Mathamphetamine. (BL số 57)

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Bản Cáo trạng số: 152/CT-VKSTPHB ngày 05/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố: bị cáo Bùi Văn L và Đồng Đức K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng.

Về tội danh và điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L và bị cáo Đồng Đức K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án tù 16 đến 19 tháng tù; xử phạt bị cáo Đồng Đức K mức án tù 16 đến 19 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy được hoàn trả sau giám định chất ma túy.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong chứa 01 sim Vinaphone, máy đã qua sử dụng thu giữ của Đồng Đức K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, bên trong có 02 sim Mobiphone và Viettel thu giữ của Bùi Văn L;

- Tuyên trả bị cáo Bùi Văn L 01 xe mô tô BKS 28H1- 688.75.

- Tuyên trả cho ông Nguyễn Duy B 01 xe mô tô BKS 28F4- 0689.

Về án phí: Đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định.

Phần tranh luận: Các bị cáo và người liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L và Đồng Đức K khai nhận vào ngày 13/8/2024 các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,14g (Không phải mười bốn gam), là ma túy, loại Heroine (Heroin) và Mathamphetamine. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng vật chứng thu giữ; Kết luận giám định ma túy cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Văn L và Đồng Đức K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm i khoản 1 Điều 249 và của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội;

Hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Văn L và Đồng Đức K là nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, là nguồn gốc phát sinh nhiều tội phạm khác, do đó cần xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Để cá thể hình phạt đối với từng bị cáo cần xét đến vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, từ đó có hình phạt tương xứng là phù hợp:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất giản đơn, bị cáo L là người khởi sự, rủ rê bị cáo K thực hiện tội phạm, cung cấp tiền để mua ma túy cùng sử dụng, bị cáo K là đồng phạm với vai trò người giúp sức cực, vì vậy bị cáo L giữ vai trò chủ yếu trong vụ án, về nhân thân các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị xử lý, các bị cáo phạm tội lần này đều thuộc trường hợp tái phạm. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, do đó áp dụng tình tiết

giảm nhẹ này để giảm nhẹ hình phạt với các bị cáo, tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nguồn gốc ma túy: Đồng Đức K khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực gần bến xe trung tâm, thành phố H. Quá trình điều tra chưa làm rõ được tên tuổi, địa chỉ cụ thể, nên không đủ căn cứ giải quyết trong vụ án này. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo được hoàn trả sau giám định, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong chứa 01 sim Vinaphone, máy đã qua sử dụng thu giữ của Đồng Đức K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, bên trong có 02 sim Mobiphone và Viettel thu giữ của Bùi Văn L. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại này để liên lạc rủ nhau mua ma túy, đây là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung công;

- Đối với 01 xe mô tô BKS 28H1- 688.75 chiếc xe này do Bùi Văn L mua lại xe tại cửa hàng mô tô F99 nhưng chưa sang tên, bị cáo mua mục đích chính để làm phương tiện đi lại, không dùng để cất giấu hay vận chuyển ma túy, nên cần trả lại xe cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 28F4- 0689 thu giữ của Đồng Đức K, xe này bị cáo mượn của ông Nguyễn Duy B, ông B không biết mục đích bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Thông báo quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn L và bị cáo Đồng Đức K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bùi Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

Xử phạt: Đồng Đức K 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong vật chứng hoàn trả sau giám định chất ma túy một mặt có ghi chữ “mẫu vật còn lại sau khi giám định vụ: Đồng Đức K và Bùi Văn L - Có hành vi phạm tội về ma túy, xảy ra ngày 13/8/2024 tại phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình”. Mép dán phong bì niêm

phong được dán kín, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động, NOKIA màu đen, tình trạng đã qua sử dụng, thu giữ của Đồng Đức K. Khi giao nhận không kiểm tra tình trạng điện thoại; kèm theo thẻ sim bên trong điện thoại NOKIA của Đồng Đức K;

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu trắng, tình trạng đã qua sử dụng, màn hình đã bị rạn nứt thu giữ của Bùi Văn L. Khi giao nhận không kiểm tra tình trạng điện thoại, kèm theo 02 thẻ sim; (01 sim Viettel, 01 sim Mobiphone), bên trong điện thoại SamSung màu trắng của Bùi Văn L;

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L 01 xe mô tô màu đen, biển kiểm soát 28H1- 688.75, nhãn hiệu Honda, số máy: JA39E2887387, số khung RLHJA3922 NY719279, tình trạng xe đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn L. Khi giao nhận xe không giao nhận giấy tờ xe, xe không có gương;

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy B 01 xe mô tô màu xanh, biển kiểm soát 28F4- 0689, nhãn hiệu MOTOSTAR, số máy: GV012564, số khung VDNFMA11B4X012564, tình trạng xe đã qua sử dụng thu giữ của Đồng Đức K. Khi giao nhận xe không giao nhận giấy tờ xe, xe không có gương, toàn bộ phần thân vỏ xe có nhiều vết chầy xước;

Các vật chứng trên có đặc điểm, hình dạng như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng số:18/BB ngày 15/11/2024 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Bùi Văn L và bị cáo Đồng Đức K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 131,133 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPH;
- Bị cáo; người liên quan;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thành Niên

